

Nguyễn Mạnh Tường (1909 – 1997)

Cách đây không lâu trên đài báo rộ lên trao đổi, tranh luận về cụm từ “người trí thức”, để rồi vấn đề vẫn đề ngổ, chưa có kết luận rõ ràng. Theo dõi cuộc trao đổi này tôi không thể không nghĩ đến một người Việt Nam ta, trước đây khoảng nửa thế kỷ, đã nói “người trí thức phải có một trình độ tri thức cao và một nền tảng văn hóa vững” và **“tôi tự xác định cho mình vị trí là làm một người trí thức, mà người trí thức, muốn độc lập, thì không nên tham chính. Người trí thức phải đứng về phía dân, không đứng về phía chính quyền”**. Năm 18 tuổi người trí thức này được đi du học ở Pháp, năm 23 tuổi, **trong cùng một năm (1932) đỗ liên tiếp 2 bằng tiến sĩ, tiến sĩ Luật khoa và tiến sĩ Văn chương**. Sự kiện này gây tiếng vang lớn ở nước Pháp và cả ở nước ta hồi ấy, được nhiều báo đề cập đến, ví như tờ Hà thành Ngọ báo số ra ngày 3 – 8 – 1932 viết: “...Thật là một trang thiếu niên mà tài học lỗi lạc chẳng những đã làm vẻ vang cho nước nhà, lại cả cho học giới nước Pháp nữa”. Trang thiếu niên lỗi lạc ấy, nhà trí thức tài ba ấy chính là luật sư – giáo sư Nguyễn Mạnh Tường.

Nguyễn Mạnh Tường là người Hà Nội gốc, quê ở Kẻ Noi, tức làng Cổ Nhuế, xưa thuộc phủ Hoài Đức, nay thuộc huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội, song được sinh ra ở phố Hàng Đào, trong một gia đình công chức, cha là ông Nguyễn căn Cát. Ông theo học tiểu học ở trường Pôn-Be (Paul Bert), trung học ở trường An-be Sa-rô (Albert Sarraut), **năm 16 tuổi (năm 1925) đã đỗ Tú tài Triết học, hạng Ưu**, sau được học bổng sang Pháp du học. Bạn bè khuyên không nên học ở Paris vì thời tiết quá lạnh mà nên học ở Montpellier, thời tiết ôn hòa, hợp với người Việt mình hơn. **Năm 1929 đỗ Cử nhân Văn chương, năm sau, 1930, đỗ luôn Cử nhân Luật ở trường ĐH tổng hợp Montpellier**. Định làm thạc sĩ (agrégé: thạc sĩ ở Pháp khác ở VN, là một văn bằng cần có để được đi dạy ở các lycée, thi tuyển rất khó), song không được vì không có quốc tịch Pháp, ông quyết định làm luôn tiến sĩ. Trong thời gian này, ông xin làm luật sư tập sự ở Tòa Phúc thẩm Montpellier. Tháng 5 – 1932, ông bảo vệ luận án Tiến sĩ Luật khoa với luận án chính “L’individu dans la vieille cité annamite” (Cá nhân trong xã hội cổ An-nam) kèm luận án phụ “Essai de synthèse sur le Code de Lê” (Tổng hợp luật đời Lê). Chỉ một tháng sau, ông bảo vệ luận án Tiến sĩ Văn chương với luận án chính “Essai sur la valeur dramatique du théâtre d’Alfred de Musset” (Giá trị bi kịch trong tuồng của An-phrê-tơ Muyt-sê) và luận án phụ là “L’Annam dans la littérature française, Jules Boissière” (Xứ An-nam trong tác phẩm của Giuyn-lơ Boát-xi-e-rơ). Nhật báo Le petit Méridional ở Montpellier, ngày 29 – 5 – 1932, đã đăng bài diễn văn của chủ tịch Hội đồng Giám khảo trường ĐH Montpellier ca ngợi các luận án của Nguyễn Mạnh Tường: **“...Luận án của ngài là một tác phẩm pháp lý, hơn nữa còn là một tác phẩm pháp lý và văn học...Công trình nghiên cứu của ngài thực sự là một tác phẩm văn học hoàn chỉnh”**. Gần đây, nhà nghiên cứu Nguyễn Huệ Chi cũng nêu nhận xét: **“Kể từ trước đến nay ở Pháp chưa có ai ở tuổi 23 đã đỗ ‘luỡng khoa tiến sĩ’ (đúng ra là 22 năm 8 tháng)**.

Trở về nước, ông được chính quyền Pháp cử người tiếp xúc, **mời làm thượng thư ở triều đình Huế, song ông từ chối** nên bị theo dõi. Ông bèn trở lại Pháp đi du lịch, qua nhiều nước châu Âu (Anh, Áo, Ý, Hi Lạp...), sang cả Ai Cập, kết hợp viết sách, viết bằng tiếng Pháp. Chuyến du lịch này coi như một chuyến đi thực tế, giúp ông khảo cứu một số nền văn minh Phương Tây và nền văn minh Ai Cập mà ông đã từng được học, được nghiên cứu. Từ các quan sát và khảo nghiệm của chuyến đi, ông đã cho ra đời 4 cuốn sách. Năm 1936, ông về nước, dạy Văn chương ở trường Bưởi và trường Cao đẳng Công chính; năm 1937 ông kết hôn với bà Tống Lệ Dung. **Theo chính lời ông, đây là những năm tháng hạnh phúc nhất**. Cuộc hôn nhân cho ông 1 trai (Nguyễn Tường Hưng) và 2 gái (Nguyễn Dung Nghi, Nguyễn Dung Trang). Những lúc rảnh rỗi, ông học thêm chữ Nho và nghiên cứu thêm Văn chương cổ điển Việt Nam, tham gia phác họa cuốn Việt Nam Văn phạm với nhóm Trần trọng Kim – Bùi Kỳ, hợp tác với nhóm Khai

trí tiến đức làm từ điển; có thời gian còn làm phụ tá cho thị trưởng Hà Nội. Năm 1940, Nhật vào Việt Nam, ông bị làm khó dễ do không hợp tác với nhóm Phạm Lê Bổng vận động dân bán lúa cho Nhật. Ông bèn từ chức, mở văn phòng luật sư riêng ở phố Gambetta, tức phố Trần Hưng Đạo bây giờ. Sau CM Tháng Tám, ông được mời dạy Văn chương ở trường ĐH Văn khoa mới được mở thêm. Tháng 4 – 1946, ông được Hồ chủ tịch mời tham gia vào đoàn đại biểu chính phủ VN, đi dự Hội nghị trù bị Đà Lạt với lời căn dặn: **“tranh cãi gắng song không được dễ gãy”**, trong đoàn có cả ông Hoàng xuân Hãn và ông Võ Nguyên Giáp (phó đoàn). Sau hội nghị đột nhiên có dư luận là ông “phản bội”; thật ra khi họp xong, ông được đô đốc D’Argenlieu mời tiếp kiến, chỉ là trò chuyện thăm hỏi xã giao mấy câu. Ông Hoàng xuân Hãn bức quá, gặp ông Võ Nguyên Giáp phản đối, dư luận mới được dập tắt. Cuối năm 1946, ông đang tham gia vào một vụ kiện ở Hải Phòng thì nổ ra cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp (19 – 12 – 1946). Ông cùng gia đình đi kháng chiến, song thường phải rời gia đình đi hầu khắp vùng tự do Bắc bộ làm luật sư ở các Tòa án quân sự, Tòa án đại hình; năm 1951 được cử về giảng dạy ở trường Dự bị Đại học Thanh Hóa do ông Đặng Thai Mai làm giám đốc, ông Trần văn Giàu làm phó giám đốc. Theo lời giáo sư Trần Thanh Đạm, một học viên của lớp DBĐH, trong buổi lên lớp đầu tiên, thầy Nguyễn Mạnh Tường dạy môn Văn học Tây phương bước vào lớp tự giới thiệu: **“Tôi là Nguyễn Mạnh Tường, luật khoa tiến sĩ, văn khoa tiến sĩ; các anh được học tôi mới thực là học đại học, dù mới chỉ là dự bị đại học”**, khiến học viên rất choáng, song càng học càng phục thầy. Thầy lên lớp không hề có giáo trình tài liệu, các bài giảng đều do thầy ứng tác từ bộ óc thông kim bác cổ của thầy, học trò phải tự ghi lấy bài giảng làm tài liệu học tập, do đó kiến thức cũng bị rơi vãi khá nhiều. Tuy nhiên việc giảng dạy thường bị gián đoạn do thầy hay được cử đi công tác đột xuất. Năm 1952, ông được cử làm thành viên đoàn đại biểu nước ta đi dự Hội nghị Hòa bình châu Á họp ở Bắc Kinh; 3 tháng sau lại được cử đi dự Hội nghị Hòa bình thế giới ở Viên (Vienne), lúc về được mời ghé qua Pra-ha (Tiệp khắc) và Lê-nin-grat (Liên Xô). Món quà đặc biệt thầy mang về cho các trò là các bài phát biểu bằng tiếng Pháp, đặc biệt là bài phát biểu ở đài phát thanh Lê-nin-grat, được tạp chí La Démocratie nouvelle đăng lại. Học trò được nghe thầy đọc lại mà ngây ngất. **“Văn thầy hay thế, vang như chuông”**. Thầy quả là tài, là giỏi, được học thầy quả là hạnh phúc. Sau hội nghị Genève năm 1954, trở về Hà Nội, ông được cử tham gia tiếp quản trường ĐH Luật và ĐH Sư Phạm, rồi làm giám đốc trường ĐH Luật, phó giám đốc trường ĐHSF, được phong hàm giáo sư, được bầu làm chủ tịch Hội đồng Luật sư Hà Nội. Ông giữ các cương vị này cho đến tháng 10 – 1956, mốc chấm hết thời gian ông được sử dụng đúng với khả năng của mình để đóng góp cho đất nước như ông hằng mong ước.

Từ năm 1953 ở Miền Bắc đã tiến hành Cải cách Ruộng đất, kéo dài cho đến 1956. Nhiều sai lầm đã xảy ra, nhiều người bị giết oan. Đảng CS tự kiểm điểm, ông Trường Chinh mất chức Tổng bí thư, ông Lê Văn Lương bị đưa ra khỏi Bộ Chính trị... Ngày 30 – 10 – 1956, trong hội nghị Mặt trận Tổ Quốc, Tổng bí thư Trường Chinh đọc bản kiểm điểm tự phê bình về những sai lầm trong CCRĐ; tiếp đó luật sư Nguyễn Mạnh Tường lên ứng khẩu tham luận, sau được yêu cầu viết lại thành văn bản với nhan đề **“Qua các sai lầm trong CCRĐ, xây dựng quan điểm lãnh đạo”**, nội dung đề cập đến việc cần thiết phải xây dựng một chế độ pháp trị chân chính, một chế độ dân chủ thật sự. Hôm sau Nguyễn Hữu Đang đến phỏng vấn ông, viết bài đưa lên báo Nhân Văn. Thế là sóng gió ập đến. Ông bị đưa ra kiểm điểm ở trường đại học trước đông đảo sinh viên với sự có mặt của một vài quan chức Bộ Giáo Dục và nhà trường. Một số sinh viên đang phấn đấu cần lấy thành tích đã đứng lên phê phán thầy nặng lời dễ rồi sau này lại viết bài đề cao thầy (!), kể cả một đôi người quá nhiệt tình với chế độ như nhà giáo – nhà văn Nguyễn Lân cũng lên tiếng phê phán bạn (!). Bây giờ bình tâm đọc lại bài tham luận đó ta sẽ có nhận thức khác, như gần đây, giáo sư Nguyễn Lân Dũng (con nhà giáo Nguyễn Lân, con rể bộ trưởng Nguyễn văn Huyền, 2 người bạn thân của giáo sư Nguyễn Mạnh Tường) viết bài **“Nguyễn Mạnh Tường, nhà khoa học thông thái và yêu nước”** đăng trên Vietstudies ngày 18 – 1 – 2010, đã đánh giá cao bài tham luận ở hội nghị MTTQ:

“...Tôi thực sự kinh ngạc về những ý kiến của bác. Thật là những ý kiến chính xác với tinh thần xây dựng và yêu nước, đến nay vẫn có giá trị hiện thực đầy đủ”. Và rồi tiếc nuối: “Tiếc rằng khi đó ta chưa có thói quen nghe ý kiến phản biện của các nhà trí thức”. Ông bị kỷ luật, bị sa thải khỏi trường đại học, không được giảng dạy, cũng không được hành nghề luật sư, bị chuyển làm chuyên viên nghiên cứu văn học nước ngoài ở Viện nghiên cứu phương pháp và chương trình của Bộ Giáo Dục và làm cộng tác viên của Nhà xuất bản Giáo Dục. Từ đây bắt đầu những năm tháng đau thương, đầy gian nan vất vả của ông và gia đình, như ông đã nói: **“Năm 1957 là thời kỳ đen tối của đời tôi”.** Lương không đủ ăn, dạy tư tiếng Pháp để có thêm tiền chi dùng cũng không được phép dạy. Thế rồi các vật dụng quý của gia đình dần dần theo nhau đội nón ra đi, cuối cùng đến lượt các cuốn sách quý hiếm, các bộ từ điển cũng về tay người khác. Thế mà ông vẫn kiên nhẫn chịu đựng, vẫn kiên trì lao động trí óc, nghiên cứu viết sách. Các cuốn **“Lý luận giáo dục châu Âu từ Erasme đến Rousseau”, “Eschyle và bi kịch cổ đại Hi Lạp” và “Virgile, nhà thơ vĩ đại thời La Mã cổ đại”** viết bằng tiếng Việt đều ra đời đúng vào thời kỳ này; sau này được xuất bản vào các năm 1994 và 1996.

Sau Đổi Mới (1986) tuy không có văn bản nào chính thức đánh giá lại, song trên thực tế sự đối xử với những người bị “đánh” trong vụ Nhân văn – Giai phẩm, trong đó có ông, có cởi mở hơn. Gia đình ông ở gần nhà ông Đỗ Mười ở phố Phạm Đình Hổ, bà Tổng Lê Dung và bà Đỗ Mười thỉnh thoảng có đi lại thăm hỏi nhau. Năm 1989 ông được sang Pháp 4 tháng để chữa bệnh, thăm hỏi bạn bè. Ông được mời đến thăm lại trường cũ là trường ĐH Montpellier. Trong bài diễn văn đón tiếp do ông hiệu trưởng đọc, có câu: **“Từ bấy đến nay, gần 60 năm đã trôi qua, kỷ lục do ngài lập: một năm đỗ liền 2 bằng Tiến sĩ Luật khoa và Tiến sĩ Văn chương, vẫn chưa có ai phá được”.** Rồi phóng viên tờ nhật báo Le Monde phỏng vấn, nêu câu hỏi về tình hình Việt Nam so sánh với Ru-ma-ni, có tổng thống Céauescou mới bị lật đổ, ông đã trả lời: **“Céauescou sánh sao được với Hồ Chí Minh. Không thể lật đổ Đảng CSVN, song nó phải được tổ chức lại, phải sa thải bọn tham ô, phải lập lại truyền thống Diên Hồng, lắng nghe ý kiến nhân dân...”** (trích bài viết của Nguyễn Lân Dũng đăng trên Vietstudies). Quả là những ý kiến cực kỳ xác đáng, mang tính xây dựng và tính thời sự cao. Vừa rồi Tổng bí thư Nguyễn Phú Trọng đã phát biểu, đại ý: **“...Thời gian qua, một số cán bộ đảng viên, trong đó có cả cán bộ cao cấp đã có lối sống xa hoa, xa rời quần chúng, bị tha hóa biến chất...”**, sau đó Đảng CS đã buộc phải ra Nghị quyết 4 về Xây dựng Đảng, rồi từ 1 đến 15 – 10 – 2012 đã diễn ra Đại hội VI của Đảng, trong đó Bộ Chính trị và Ban Bí thư đã tiến hành phê và tự phê, đã nhận khuyết điểm và tự đề nghị khiển trách toàn thể Bộ Chính trị và đ/c X, ủy viên Bộ Chính trị, song Ban Chấp hành Trung ương thấy chưa đến mức bị kỷ luật, nên không chấp thuận. Ông cũng mang theo tập bản thảo cuốn **“Un excommunié”** (Một người bị rút phép thông công) mà ông đã dày công biên soạn dần dần trong suốt những năm tháng sống trong vất vả thiếu thốn. Có thể coi đây là một cuốn tự truyện. Sau khi ông về nước, năm 1992 cuốn sách đã được nhà xuất bản Quê Mẹ ở Pháp in và phát hành, năm 2008 được dịch ra tiếng Anh và năm 2009 được dịch ra tiếng Việt. Trở về nước, ông được trở lại hành nghề luật sư, thỉnh thoảng được mời đi nói chuyện, dự hội thảo, thường xuyên được đọc báo Le Monde do Đại sứ quán Pháp ở Hà Nội gửi biếu. Năm 1993, trong bữa tiệc chào mừng Tổng thống Pháp Francois Mitterand sang thăm Việt Nam, ông được xếp ngồi cùng bàn tiếp Tổng thống.

Ngày 13 – 6 – 1997 ông qua đời tại số nhà 34 Tầng Bạt Hổ, hưởng thọ 88 tuổi. Tang lễ được tổ chức trọng thể, Tổng bí thư Đỗ Mười cũng như nguyên Thủ tướng Phạm Văn Đồng đều đến viếng. Tuy nhiên cũng phải chờ 10 năm sau, khi Tổng bí thư Đỗ Mười phát biểu, đánh giá: **“Trọn cuộc đời Nguyễn Mạnh Tường là một trí thức yêu nước, đã có nhiều cống hiến cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất tổ quốc và góp phần xây dựng nền giáo dục nước ta”** mới có người dám nhắc đến tên ông trên đài báo. Tạp chí Xưa và Nay trong số 286 (6 – 2007) đã có bài viết **“Chuyện luật sư Nguyễn Mạnh Tường gặp Bác Hồ”** và bài này đã được tạp chí Tuần Việt Nam đưa lên mạng ngày 28 – 7 – 2007.

Chuyện kể rằng năm 1952 ở Việt Bắc, trong Liên hoan Đại hội Anh hùng và CSTĐ toàn quốc, ông đã được chủ tịch Hồ Chí Minh tiếp chuyện, đã xin phép nói thẳng, nói hết và khi được chủ tịch đồng ý ông đã nói **“2 nguyên tắc người lao động quan tâm nhất là quyền tự do lao động và quyền sở hữu cá nhân về tài sản do lao động hợp pháp kiếm ra”** và **“3 nguyên tắc bảo đảm thực thi tốt chức năng nhà nước là 1/ tôn trọng luật pháp, mọi vi phạm pháp luật phải bị trừng phạt về chính trị (như khai trừ khỏi Đảng), về hành chính (như hạ tầng công tác), và cả về hình sự (như bỏ tù); phải quy trách nhiệm cá nhân vì quy trách nhiệm tập thể là vô nghĩa; quan tòa phải được hành nghề một cách tự do và độc lập đối với cấp trên. 2/ Phải tách biệt Đảng và Nhà nước; tiêu chí tuyển chọn cán bộ là khả năng trí tuệ và nghề nghiệp của ứng viên. 3/ Phải có ý thức rất rõ về Đảng và những khả năng của Đảng. Lãnh đạo phải luôn nhìn lại mình, mở rộng 2 tai để lắng nghe ý kiến của nhân dân. Cho đến nay, những ý kiến tâm huyết này của ông vẫn mang đầy đủ tính thời sự, rất đáng được quan tâm.**

Năm 2009, trong buổi lễ kỷ niệm 100 năm ngày sinh của ông, một học sinh cũ là giáo sư Trần Thanh Đạm, nguyên hiệu trưởng trường ĐHSB thành phố HCM, đã có bài phát biểu tưởng nhớ thầy cũ, được tạp chí Xưa và Nay, số tháng 3 – 2009 và báo An ninh thế giới số ra ngày 14 – 10 – 2009, đăng lại, trong đó có những dòng như sau: “...Thầy nói học trò không hiểu được hết, đầu óc thầy thông thái, bác học lắm...Thầy viết văn Pháp hay hơn người Pháp...**Thầy là người rất yêu nước**, sinh hoạt cần kiệm giản dị, vui vẻ đồng cam cộng khổ với nhân dân...**Chỉ riêng sự có mặt của thầy trong hàng ngũ các trí thức yêu nước đi kháng chiến theo cụ Hồ, đã là một cổ vũ lớn đối với thế hệ thanh niên chúng tôi, đã là một cống hiến vô giá của thầy với đất nước, xứng đáng với sự hàm ơn và tưởng nhớ của các thế hệ sau này, cần được vinh danh mãi mãi trong lịch sử văn hóa và giáo dục của dân tộc ta**”.

Khởi thảo: 12 – 10 - 2012

Sửa chữa: 17 – 10 – 2012

Bổ sung, sửa chữa lần cuối: 30 – 4 – 2013

Phụ lục:

Tác phẩm của Nguyễn Mạnh Tường

Theo thống kê chưa đầy đủ, Luật sư Nguyễn Mạnh Tường đã để lại một số tác phẩm sau:

Tiếng Pháp: Trừ bản dịch *Orestia*, số còn lại đều do ông soạn (4 tác phẩm đầu là Luận án Tiến sĩ):

1. L'Individu dans la vieille cité annamite (Cá nhân trong xã hội Việt Nam thời cổ).
2. Essai de synthèse sur le Code de Lê (Tổng luận về luật đời [Lê](#)).

3. Essai sur la valeur dramatique du théâtre d'Alfred de Musset (Giá trị bi kịch trong tuồng của A. Musset).
4. L'Annam dans la littérature française, Jules Boissières (Việt Nam trong văn chương Pháp, tác phẩm của Jules Boissières).
5. Sourires et larmes d'une jeunesse (Nụ cười và nước mắt tuổi trẻ), Revue Indochinoise, Hà Nội, 1937.
6. Construction de l'Orient-Pierres de France (Xây dựng Đông phương-Nền tảng Pháp), Revue Indochinoise, 1937.
7. Construction de l'Orient - Apprentissage de la Méditerranée (Xây dựng Đông phương-Kinh nghiệm Địa Trung Hải), Collection Tendances, Hà Nội, 1939.
8. Le voyage et le sentiment (Du hành và cảm xúc), kịch ba màn, Collection Tendances, Hà Nội, 1943.
9. Un princesse née dans une chaumière (Nàng công chúa sinh ra trong túp lều tranh), tiểu thuyết, 1978, chưa in.
10. Larmes et sourires d'une vieillesse (Nụ cười và nước mắt tuổi già), tự truyện, ba cuốn, chưa in.
11. Triptyque (Bức họa ba tấm), chưa in.
12. Un excommunié (Kẻ bị khai trừ, hay là Một người bị rút phép thông công), Quê Mẹ, Paris, 1992.
13. Malgré lui, malgré elle (Mặc hắn, mặc nàng), chưa in.
14. Partir, est ce mourir? (Đi là chết?), chưa in.
15. Une voix dans la nuit (Tiếng vọng trong đêm), tiểu thuyết về Việt Nam từ 1950 đến 1990, chưa in.
16. Palinodies (Phủ nhận), chưa in.

.....

Tiếng Việt

1. Một cuộc hành trình, Minh Đức, Hà Nội, 1954.
2. Lý luận giáo dục Âu châu thế kỷ XVI, XVII, XVIII, từ Erasme tới Rousseau (tên Pháp: Doctrines pédagogiques de l'Europe du XVI au XVIIIe siècle, d'Erasme à Rousseau), Nxb Khoa Học Xã Hội, Hà Nội, 1994.
3. Eschyle và bi kịch cổ đại Hy Lạp (tên Pháp: Eschyle et la tragédie grecque), Nxb Giáo Dục, Hà Nội, 1996.
4. Oresteia, bộ ba vở kịch cổ đại Hy Lạp (dịch, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1997).
5. Virgile và anh hùng ca La tinh (tên Pháp: Virgile et l'épopée latine), Nxb Khoa Học Xã Hội, 1996.